TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 48

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 9 trong số 552 937 là:

A. 9 **B.** 90 **C.** 9000 **D.** 900

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số «Một triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm mười» viết là:

A. 1 145 310 **B.** 1 145 010 **C.** 1 245 310 **D.** 11 450 310

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 907 293, 927 093, 908 293, 926 093 là:

A. 926 093 **B.** 908 293 **C.** 907 293 **D.** 927 093

Câu 4. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 9 971 304 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 10 100 000 **B.** 10 000 000 **C.** 9 970 000 **D.** 9 900 000

Câu 5. *(0,5 điểm)* Kho thứ nhất có 3173 kg thóc, kho thứ hai có gấp 3 lần kho thứ nhất, kho thứ ba ít hơn kho thứ hai 475 kg. Cả ba kho có:

A. 12 692 kg **B.** 22 686 kg **C.** 21 736 kg **D.** 9044 kg

Câu 6. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức a + b × 3 với a = 7663, b = 916 là:

A. 10 421 **B.** 10 411 **C.** 8582 **D.** 25 737

Câu 7. *(0,5 điểm)* 7 thế kỉ = …… năm

A. 710 **B.** 70 **C.** 700 **D.** 7000

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình bình hành ABCD có AB = 5 cm, BC = 6 cm. Chu vi hình bình hành là:

A. 11 cm **B.** 20 cm **C.** 30 cm **D.** 22 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho dãy số: 11, 18, 25, 32, ……, 319. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 38 của dãy là: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 1443 + 353 + 647 = ……

b) 7892 + 8244 − 892 = ……

c) 940 + 6260 + 60 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 tấn 55 kg = ……. kg

b) 4 tạ = ……. yến

c) 2 m^2 72 dm^2 = ……. dm^2

d) 3 phút 49 giây = ……. giây

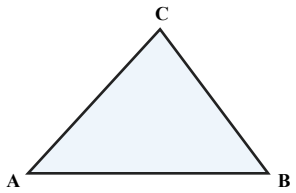
Câu 12. *(1 điểm)* Một hình thoi có chu vi 36 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Độ dài cạnh hình thoi: ……. cm

b) Chu vi hình vuông có cạnh bằng cạnh hình thoi: ……. cm

c) Diện tích hình vuông đó: ……. cm^2

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 2568 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 262 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 48

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	C	B	C	B	C	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) (319 − 11) : 7 + 1 = 45 (số)

b) 11 + (38 − 1) × 7 = 270

Câu 10.

a) 1443 + (353 + 647) = 1443 + 1 000 = 2443

b) (7892 − 892) + 8244 = 7000 + 8244 = 15 244

c) (940 + 60) + 6260 = 1000 + 6260 = 7260

Câu 11.

a) 2000 + 55 = 2055

b) 1 tạ = 10 yến: 40

c) 200 + 72 = 272

d) 3 × 60 + 49 = 229

Câu 12.

a) 36 : 4 = 9 (cm)

b) 9 × 4 = 36 (cm)

c) 9 × 9 = 81 (cm²)

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 3 góc nhọn, 0 góc tù.

Câu 14.

Ngày thứ hai: 2568 × 2 = 5136 (kg)

Ngày thứ ba: 5136 − 262 = 4874 (kg)

Cả ba ngày: 2568 + 5136 + 4874 = 12 578 (kg)